

Ben Painter Elementary
Sở Giáo Dục California
Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học
Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2016–17

Theo luật tiểu bang, trẻ nhất vào ngày 1 tháng Hai hằng năm mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công Thức Tài Trợ Kiểm Soát Địa Phương (Local Control Funding Formula - LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies - LEA) phải chuẩn bị một Kế Hoạch Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình tại Địa Phương (Local Control and Accountability Plan - LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo Dục California (California Department of Education - CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> chứa đựng thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với khu học chánh và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh)..

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

Giới Thiệu Về Trường Đây

| Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2017–18) | |
|---|---|
| Tên Trường | Ben Painter Elementary |
| Đường Phố | 500 Rough and Ready Road |
| Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu điện | San Jose CA, 95133 |
| Số Điện Thoại | (408) 928-8400 |
| Hiệu Trưởng | George Kleidon |
| Địa Chỉ Email | george.kleidon@arUSD.org |
| Trang Mạng | http://www.arUSD.org/Domain/276 |
| Mã Số Quận-Khu Học Chánh-Trường học (County-District-School - CDS) | 43-69369-6046122 |

Thông Tin Liên Lạc của Khu Học Chánh (Năm Học 2017–18)

| | |
|-------------------------------|--|
| Tên Khu Học Chánh | Alum Rock Union Elementary School District |
| Số Điện Thoại | (408) 928-6800 |
| Giám Đốc Khu Học Chánh | Hilaria Bauer, Ph.D. |
| Địa Chỉ Email | hilaria.bauer@arUSD.org |
| Trang Mạng | www.arUSD.org |

Mô Tả Trường học và Bản Tuyên Bố Sứ Mệnh (Năm Học 2017–18)

In partnership with parents and the community, Ben Painter Elementary School's mission is to empower students to reach their potential as whole and unique individuals through the following: focusing on communication, collaboration, creativity, critical thinking, the meaningful use of technology, rigorous learning opportunities, and support of English Language Learners. This will enable our students to become productive, responsible 21st century thinkers. Ben Painter inspires creativity and lifelong learning, which will prepare our students for successful careers.

Painter provides School Linked Services (SLS) for all Painter families. SLS offers on-site school-based services to heal and strengthen individuals, families and systems by addressing needs and risks faced by children, youth, and families. Painter has continued its partnership with Think Together, which is comprised of 6 lead members and 1 supervisor who provide student support from 11:40am to 6:00pm each school day for students in Kindergarten through 5th grade. Students receive a healthy snack before participating in a rotation of structured activities. Think Together's standards-based curriculum intentionally aligns, engages and reinforces learning concepts taught during the core day instruction which in turn, positively impacts student achievement. Furthermore, we believe our programs can have an even broader impact beyond academic achievement in that we help to prepare students to be successful in college or careers after they graduate high school.

In addition, Painter has partnered with our after school provider Think Together to provide us with a coach who offers recess, lunchtime and physical education activities for all students, and a before school recess for all students who arrive early. The Painter team strongly believes that parents are very important members of the school community. As a result, one of our continual goals is to make Painter Elementary School a significant part of your family's life. To be the most effective we can be, we need to work together to create a positive learning environment for all our students. Therefore, we encourage you to become active and informed. This may be done by attending meetings of the School Site Council or the English Learners Advisory Committee, volunteering to assist in the classroom, attending as many school programs and events as possible, and by keeping close communication with your child's teacher. Maintaining this type of parent participation and communication will play a vital role in your child's success. We are also happy to be developing a parent participation program and will be working with all families to assist them in completing 30 hours of parent participation hours.

Education is a partnership between home and school and thus, communication between parents and staff is essential. Please visit our website which is designed to provide you with helpful information about our school.

Thank you in advance for your support. We welcome your suggestions, and we will solicit your help throughout the school year. If you need additional information or assistance, please do not hesitate to contact us at (408) 928-8400.

Học Sinh Ghi Danh theo Cấp Lớp (Năm Học 2016–17)

| Cấp Lớp | Số Học Sinh |
|-----------------|--------------------|
| Mẫu Giáo | 59 |
| Lớp 1 | 58 |
| Lớp 2 | 56 |
| Lớp 3 | 61 |
| Lớp 4 | 71 |
| Lớp 5 | 74 |
| Lớp 6 | |

| Cấp Lớp | Số Học Sinh |
|--------------------------------|-------------|
| Lớp 7 | |
| Lớp 8 | |
| Tiểu Học Không Phân Lớp | |
| Lớp 9 | |
| Lớp 10 | |
| Lớp 11 | |
| Lớp 12 | |
| Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp | |
| Tổng Ghi Danh | 379 |

Học Sinh Ghi Danh theo Nhóm Học Sinh (Năm Học 2016–17)

| Nhóm Học Sinh | Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh |
|---|-------------------------------|
| Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi | 0.8 |
| Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa | 0 |
| Người Gốc Á Châu | 30.6 |
| Người Phi Luật Tân | 11.9 |
| Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh | 53.8 |
| Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương | 1.3 |
| Người Da Trắng | 0.5 |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng Tộc | 1.1 |
| Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn | 89.2 |
| Người Học Tiếng Anh | 46.2 |
| Học Sinh Khuyết Tật | 9 |
| Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc bởi Giám Hộ | 0.3 |

A. Điều Kiện Học Tập

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt

Bằng Cấp Chứng Nhận của Giáo Viên

| Giáo Viên | Trường | | | Khu Học Chánh |
|-------------------------------------|---------|---------|---------|---------------|
| | 2015-16 | 2016-17 | 2017-18 | 2017-18 |
| Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận | 19 | 18 | 17 | 490 |
| Không Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận | 0 | 0 | 1 | 45 |

| Giáo Viên | Trường | | | Khu Học Chánh |
|---|---------|---------|---------|---------------|
| | 2015-16 | 2016-17 | 2017-18 | 2017-18 |
| Giảng Dạy Ngoài Lĩnh Vực Môn Học Chuyên Ngành (có đầy đủ bằng cấp chứng nhận) | 0 | 0 | 0 | 0 |

Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

| Chỉ Báo | 2015-16 | 2016-17 | 2017-18 |
|--|---------|---------|---------|
| Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh | 0 | 0 | 0 |
| Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép | 0 | 0 | 0 |
| Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống | 0 | 0 | 0 |

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh.

Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2017–18)

January 2018

The following are the most recent adoptions for Alum Rock Union Elementary School District:

- Benchmark Advance (ELA and ELD) 2016-Elementary/Engage NY 2016- Middle Schools
- EnVision Mathematics 2015-Elementary / CPM 2015- Middle Schools
- Scott Foresman Science 2006- Elementary/Glencoe Science 2006-Middle Schools
- Scott Foresman Social Studies 2007- Elementary /TCI Curriculum 2007- Middle School

| Môn Học | Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn | Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất? | Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng |
|--|--|----------------------------|--|
| Độc/Văn Chương | Benchmark Advance (ELA and ELD) 2016-Elementary/Engage NY 2016- Middle Schools | Yes | 0 |
| Toán | EnVision Mathematics 2015-Elementary / CPM 2015-Middle Schools | Yes | 0 |
| Khoa Học | Scott Foresman Science 2006- Elementary/Glencoe Science 2006-Middle Schools | Yes | 0 |
| Lịch Sử–Khoa Học Xã Hội | Scott Foresman Social Studies 2007- Elementary /TCI Curriculum 2007- Middle School | Yes | 0 |
| Ngoại Ngữ | | | |
| Giáo Dục Sức Khỏe | | | |
| Nghệ Thuật Hình Ảnh và Trình Diễn | | | |
| Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới lớp 12) | | | |

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

The district makes every effort to ensure all schools are clean, safe, and functional. To assist in this effort, the district uses a facility survey instrument developed by the State of California Office of Public School Construction. The results of this survey are available at the school office and at the district office.

Deferred maintenance funds have been used to properly maintain and renovate district buildings. Needed repairs and maintenance projects are completed in a timely manner. The main walkway ceiling was repaired to eliminate roof leaks. Painter School was built in 1962. School facilities are upgraded whenever possible to support and maintain a safe, clean and secure campus. Sufficient space for classrooms, the office, a library, a playground, and restroom facilities are allocated to support stakeholders' needs and the instructional program. The Alum Rock School District maintenance staff, in conjunction with day and night custodians, ensure the school buildings and grounds are safe, clean, and in good repair. Rigorous daily custodial schedules ensure that classrooms, lavatories, serving kitchens, eating areas, offices, and playgrounds are clean for both student and staff use. Regular oversight by district maintenance crews ensures that grass and landscaped areas are well maintained and that the school's buildings, grounds and play areas are safe for use.

NVIDIA and City Year brought "Project Inspire" a school beautification project to the Painter Community. This project brought many wonderful murals placed in and outside our buildings. Over a two-day span there were close to 1,200 volunteers on our campus working hard to enrich our school. Which included the re-painting of the graphics on the blacktop and in the kinder playground. The building of picnic tables, benches, and an outdoor classroom located next to room 10.

Tình Trạng Sửa Chữa cho Trường học

| Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: December 2017 | | | | |
|--|-----|------|-----|---|
| Hệ Thống Được Kiểm Tra | | | | Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện |
| | Tốt | Được | Tồi | |
| Hệ Thống: Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cổng rãnh | X | | | |
| Bên Trong: Các Bề Mặt Bên Trong | X | | | Area: Rm.23-Enter door tile crack. Rm.23-Ceilings damage. |
| Sự Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/ Sâu Mọt | X | | | |
| Điện: Điện | X | | | Area: Rm.9-Side wall need one internet cover. |
| Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/ Vòi Nước Máy | X | | | |
| Sự An Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm | X | | | |
| Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà | X | | | |
| Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trờng, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào | X | | | |

Đánh Giá Tổng quát dành cho Cơ Sở

| Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: December 2017 | | | | |
|---|----------|-----|------------|-----|
| Đánh Giá Tổng Quát | Hoàn Hảo | Tốt | Trung bình | Kém |
| | | | X | |

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- **Thẩm định trên toàn tiểu bang** (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh ngữ/đọc viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. CAA đã thay thế Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California [CAPA] cho ELA và môn toán, được loại bỏ vào năm 2015. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh

| Môn học | Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn Của Tiểu Bang | | | | | |
|---|---|---------|---------------|---------|-----------|---------|
| | Trường | | Khu Học Chánh | | Tiểu Bang | |
| | 2015-16 | 2016-17 | 2015-16 | 2016-17 | 2015-16 | 2016-17 |
| Văn Chương Anh Ngữ/ Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11) | 38 | 33 | 39 | 40 | 48 | 48 |
| Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11) | 29 | 32 | 30 | 33 | 36 | 37 |

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2016–17)

| Nhóm Học Sinh | Tổng Ghi Danh | Số Học Sinh Đi Thi | Phần Trăm Đi Thi | Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua |
|--|---------------|--------------------|------------------|---------------------------------|
| Tất Cả Các Học Sinh | 215 | 203 | 94.42 | 32.51 |
| Nam | 117 | 112 | 95.73 | 26.79 |
| Nữ | 98 | 91 | 92.86 | 39.56 |
| Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi | -- | -- | -- | -- |
| Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa | | | | |
| Người Gốc Á Châu | 67 | 63 | 94.03 | 55.56 |
| Người Phi Luật Tân | 28 | 24 | 85.71 | 45.83 |
| Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh | 106 | 102 | 96.23 | 16.67 |
| Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương | -- | -- | -- | -- |
| Người Da Trắng | -- | -- | -- | -- |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chung Tộc | -- | -- | -- | -- |
| Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn | 191 | 180 | 94.24 | 28.89 |
| Người Học Tiếng Anh | 139 | 134 | 96.4 | 30.6 |
| Học Sinh Khuyết Tật | 33 | 29 | 87.88 | 0 |
| Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân | -- | -- | -- | -- |
| Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ | | | | |

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2016–17)**

| Nhóm Học Sinh | Tổng Ghi danh | Số Học Sinh Đi Thi | Phần Trăm Đi Thi | Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua |
|--|---------------|--------------------|------------------|---------------------------------|
| Tất Cả Các Học Sinh | 215 | 211 | 98.14 | 31.75 |
| Nam | 117 | 115 | 98.29 | 33.04 |
| Nữ | 98 | 96 | 97.96 | 30.21 |
| Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi | -- | -- | -- | -- |
| Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa | | | | |
| Người Gốc Á Châu | 67 | 67 | 100 | 58.21 |
| Người Phi Luật Tân | 28 | 28 | 100 | 28.57 |
| Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh | 106 | 102 | 96.23 | 13.73 |
| Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương | -- | -- | -- | -- |
| Người Da Trắng | -- | -- | -- | -- |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc | -- | -- | -- | -- |
| Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn | 191 | 188 | 98.43 | 28.72 |
| Người Học Tiếng Anh | 139 | 137 | 98.56 | 32.85 |
| Học Sinh Khuyết Tật | 33 | 29 | 87.88 | 0 |
| Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân | -- | -- | -- | -- |
| Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ | | | | |

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Ghi chú: Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích..

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

| Môn học | Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi | | | | | |
|---------------------------------------|---|---------|---------------|---------|-----------|---------|
| | Trường | | Khu Học Chánh | | Tiểu Bang | |
| | 2014-15 | 2015-16 | 2014-15 | 2015-16 | 2014-15 | 2015-16 |
| Khoa Học (các lớp 5, 8, và 10) | 64 | 57 | 47 | 49 | 56 | 54 |

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm Kỳ Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Test - CST), Thẩm Định Thay Đổi California (California Modified Assessment - CMA), và Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California (CAPA) ở các lớp năm, tám, và mười.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Lưu ý: Không có sẵn dữ liệu 2016-17. Sở Giáo Dục California đang phát triển một thẩm định khoa học mới dựa trên Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ Mới cho Trường Công California (CA NGSS). Kiểm tra Khoa học California (CAST) mới được thí điểm vào mùa xuân năm 2017. CST và CMA cho Khoa học sẽ không còn được tổ chức nữa

Chương Trình Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2016–17)

Tham Gia Giáo Dục Kỹ Thuật Nghề Nghiệp (Năm Học 2016–17)

| Tiêu Chuẩn Đo Lường | Tham Gia Chương Trình CTE |
|--|---------------------------|
| Số Học Sinh Tham Gia CTE | |
| Phần Trăm Học Sinh Hoàn Tất một Chương Trình CTE và Có Bằng Tốt Nghiệp Trung Học | |
| Phần Trăm Khóa Học CTE Được Sắp Xếp Theo Trình Tự hoặc Chuyển Tiếp Giữa Trường Học và Các Cơ Sở Giáo Dục Sau Trung Học Cơ Sở | |

Các Khóa Học Chuẩn Bị để Vào Trường Đại Học California (UC) và/hoặc Trường Đại Học Tiểu Bang California (CSU)

| Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU | Phần Trăm |
|--|-----------|
| Các Học Sinh Năm Học 2016–17 Ghi Danh vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU | |
| Các Học Sinh Tốt Nghiệp Năm Học 2015–16 Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Bắt Buộc để Vào UC/CSU | |

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2016–17)

| Cấp Lớp | Tiêu Chuẩn Sức Khỏe | | |
|---------|---|---|---|
| | Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe | Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe | Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe |
| 5 | 40.6 | 26.1 | 20.3 |

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh..

C. Tham Gia

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường.

Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2017–18)

Painter values all stakeholders and includes them in all facets of the educational process. To encourage parent participation, Painter maintains a system of two-way communication and employs a variety of ways to increase stakeholder communication. Not only is the School Accountability Report Card available on the district's website, but also pertinent school information, including school data and school programs. These are also available to parents in the Principal's Newsletter. Because parent and community participation is essential to student achievement, Painter School provides a number of parent and community involvement opportunities. Parents are encouraged to volunteer at least 30 hours per family.

Parental involvement is an important part of our home to school connection and the academic success of our students. Opportunities for parental involvement include the following: District Advisory Committee (DAC), District English Language Advisory Committee (DELAC), School Site Council (SSC), English Language Advisory Committee (ELAC), Back-to-School Night, Spring Open House, parent conferences, parents as volunteers on field trips and in the classroom, school-sponsored assemblies, and other activities. For more information, please contact your child's teacher or the Principal, George Kleidon, at 408-928-8400.

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học trung học; và
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

| Chỉ Báo | Trường | | | Khu Học Chánh | | | Tiểu bang | | |
|------------------|---------|---------|---------|---------------|---------|---------|-----------|---------|---------|
| | 2013-14 | 2014-15 | 2015-16 | 2013-14 | 2014-15 | 2015-16 | 2013-14 | 2014-15 | 2015-16 |
| Tỷ Lệ Bỏ Học | | | | | | | 11.5 | 10.7 | 9.7 |
| Tỷ Lệ Tốt Nghiệp | | | | | | | 80.95 | 82.27 | 83.77 |

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học – Khóa Tốt Nghiệp năm 2016 (Tỷ Lệ Một Năm)

| Nhóm Học Sinh | | | |
|---|--------|---------------|-----------|
| | Trường | Khu Học Chánh | Tiểu bang |
| Tất Cả Các Học Sinh | | | |
| Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi | | | |
| Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa | | | |
| Người Gốc Á Châu | | | |
| Người Phi Luật Tân | | | |
| Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh | | | |
| Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương | | | |
| Người Da Trắng | | | |
| Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc | | | |
| Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn | | | |
| Người Học Tiếng Anh | | | |
| Học Sinh Khuyết Tật | | | |
| Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ | | | |

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn

Đình Chỉ và Đuổi Học

| Tỷ Lệ | Trường | | | Khu Học Chánh | | | Tiểu bang | | |
|----------|---------|---------|---------|---------------|---------|---------|-----------|---------|---------|
| | 2014-15 | 2015-16 | 2016-17 | 2014-15 | 2015-16 | 2016-17 | 2014-15 | 2015-16 | 2016-17 |
| Đình Chỉ | 1.4 | 3.1 | 2.7 | 3.2 | 3.1 | 2.8 | 3.8 | 3.7 | 3.6 |
| Đuổi Học | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.1 | 0.1 | 0.1 |

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2017–18)

Painter School has a very detailed, comprehensive school safety plan that outlines protocols, systems, and procedures in the event of any/all emergencies. The plan also contains the yearly safety goals as determined by the students, staff, and parents. The Safety Plan is developed by the Painter Safety Committee before it is presented to the Alum Rock Union School District Board of Trustees for annual approval. The Safety Plan and drill procedures are reviewed during the year with all staff. Safety alerts are shared with all staff as needed throughout the school year. In addition, all required drills are calendared and completed, and the results are shared with the staff.

The Painter School Safety Plan has a comprehensive, enforceable, and continuous behavior policy, set of rules and regulations, dress code policy, set of protocols for safety/emergency drills, tardy policy, attendance policy, referral policy, nondiscriminatory policy on student rights and responsibilities, campus security policy, harassment policy, conflict management policy, Internet safety policy, and an intervention policy.

All visitors are required to check-in at the school office. Fire drills and disaster procedures are specifically outlined and regularly updated and practiced. Safety programs include drug awareness, personal safety, and personal growth. To ensure a safe environment, the district provides yard duty supervisors, and all yard duty supervisors and school staff maintain a welcoming but controlled campus environment. The school grounds and playground are safe because they are well supervised by staff before, during, and after school.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Năm Học 2017–18)

| Chỉ Báo | Trường | Khu Học Chánh |
|---|-----------|---------------|
| Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình | Not in PI | In PI |
| Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình | | 2004-2005 |
| Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình | | Year 3 |
| Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình | N/A | 8 |
| Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình | N/A | 30.8 |

Ghi chú: Các ô có giá trị NA không yêu cầu dữ liệu..

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)

| Lớp Cấp | 2014-15 | | | | 2015-16 | | | | 2016-17 | | | |
|--------------|----------------------------|---------|-------|-----|----------------------------|---------|-------|-----|----------------------------|---------|-------|-----|
| | Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp | Số Lớp* | | | Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp | Số Lớp* | | | Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp | Số Lớp* | | |
| | | 1-20 | 21-32 | 33+ | | 1-20 | 21-32 | 33+ | | 1-20 | 21-32 | 33+ |
| Mẫu Giáo | 16 | 5 | | | 17 | 4 | | | 20 | 1 | 2 | |
| 1 | 19 | 2 | | | 21 | 1 | 2 | | 22 | | 2 | |
| 2 | 19 | 3 | | | 21 | 1 | 1 | | 21 | 2 | 1 | |
| 3 | 19 | 4 | | | 20 | 3 | 1 | | 23 | | 3 | |
| 4 | 34 | | | 2 | 21 | 1 | 2 | | 28 | | 2 | |
| 5 | 26 | 1 | 2 | | 27 | 1 | | 2 | 18 | 2 | 3 | |
| 6 | | | | | 1 | 2 | | | | | | |
| Các Lớp Khác | 19 | 1 | | | | | | | | | | |

* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Trung Học Cơ Sở)

| Môn học | 2014-15 | | | | 2015-16 | | | | 2016-17 | | | |
|-----------------|----------------------------|---------|-------|-----|----------------------------|---------|-------|-----|----------------------------|---------|-------|-----|
| | Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp | Số Lớp* | | | Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp | Số Lớp* | | | Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp | Số Lớp* | | |
| | | 1-22 | 23-32 | 33+ | | 1-22 | 23-32 | 33+ | | 1-22 | 23-32 | 33+ |
| Tiếng Anh | | | | | | | | | | | | |
| Khoa học | | | | | | | | | | | | |
| Khoa Học Xã Hội | | | | | | | | | | | | |

* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp học trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp học). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2016–17)

| Chức Danh | Số FTE* Được Phân cho Trường | Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập |
|--|---------------------------------|--|
| Cố Vấn Học Tập | 0 | |
| Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp) | 0 | N/A |
| Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư) | 0 | N/A |
| Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên) | .5 | N/A |
| Nhà Tâm Lý Học | 0.5 | N/A |
| Nhân Viên Xã Hội | 0 | N/A |
| Y Tá | 0 | N/A |
| Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác | 0.7 | N/A |
| Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy) | 1 | N/A |
| Các Chức Danh Khác | .5 | N/A |

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

* Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian;

Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2015–16)

| Cấp | Expenditures Per Pupil | | | Lương Trung Bình của Giáo Viên |
|---|-------------------------------|-------------------------------------|---|--------------------------------|
| | Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh | Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn) | Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn) | |
| Địa Điểm Trường | \$9,003 | \$2,472 | \$6,531 | 75,245 |
| Khu Học Chánh | N/A | N/A | 6,466 | \$80,761 |
| Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Khu Học Chánh | N/A | N/A | 1.0 | -6.8 |
| Tiểu bang | N/A | N/A | \$6,574 | \$78,363 |
| Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Tiểu Bang | N/A | N/A | -0.7 | -4.0 |

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2016–17)

These services are provided by the regular program to enable under-performing students to meet state standards: Teachers regularly examine student work samples to assess whether students are mastering grade level standards. Teachers are familiar with the standards and standards-based planning. Standards-based assessments are utilized to modify instruction for under-performing students.

The following services are provided using categorical funds to enable under-performing students to meet state standards: The Instructional Leadership Team meets to discuss school issues, plan for facilitation of grade level meetings, and the school's Theory of Action and Cycle I, II, III for Professional Development. Classroom teachers meet to analyze student data and monitor progress of under-performing students. The English Language Development Resource Teacher monitors the English Language Lab, and assists classroom teachers in analyzing the California English language Development Test student data to monitor progress of under-performing English learning students. Intervention classes are offered for under-performing students as needed.

Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2015–16)

| Hạng Mục | Số Tiền của Khu Học Chánh | Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục |
|--|---------------------------|---|
| Lương Khởi Điểm của Giáo Viên | \$53,010 | \$48,678 |
| Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên | \$82,527 | \$78,254 |
| Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên | \$96,202 | \$96,372 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học) | \$121,232 | \$122,364 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở) | \$131,159 | \$125,958 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học) | | \$126,758 |
| Mức Lương của Giám Đốc Khu Học Chánh | \$205,528 | \$212,818 |
| Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên | 39% | 38% |
| Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chánh | 6% | 5% |

Để có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Web về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Các Khóa Học Nâng Cao (AP) (Năm Học 2016–17)

| Môn học | Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp* | Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP |
|-----------------------------------|-----------------------------------|---|
| Khoa Học Máy Tính | | N/A |
| Tiếng Anh | | N/A |
| Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn | | N/A |
| Ngoại Ngữ | | N/A |
| Toán | | N/A |
| Khoa học | | N/A |
| Khoa Học Xã Hội | | N/A |
| Tất Cả Các Khóa Học | | |

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

* Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.

Phát Triển Chuyên Môn

This section provides information on the annual number of school days dedicated to staff development for the most recent three-year period.

The Professional Development Plan is coordinated by the district Curriculum and Instruction Department in accordance with district and site priorities.

Teachers and staff at the site and throughout the district are provided with opportunities to develop and expand their knowledge and skills. Through in-house training or state and countywide conferences, teachers are encouraged to attend in-services that promote best practice strategies in literacy, English Language Development, mathematics, science and the use of technology in the classroom. In addition, district wide trainings are offered for teachers and administrators in enVision Math, and i-Ready.

The Principal, CSR/Instructional Coach and CSR/ELD Resource Teacher provide support to teachers during the implementation of professional development through teacher-principal meetings, student performance data reporting in grade level meetings and in-class coaching.